

Bản án số: 56/2022/HS-ST

Ngày: 17/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà **Vương Thị Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. bà **Phạm Thị Thu Hương**

2. ông **Phạm Văn Kha**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Vũ Đức Thắng**, thư ký Tòa án nhân dân huyện H

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* ông **Nguyễn Thị Phụng**, kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc V; tên gọi khác: không; sinh ngày 01/10/2000 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn 6, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Y và bà Bùi Thị C; vợ: Phạm Thị Đ; con: có 01 con; tiền án: 01 tiền án, ngày 13/4/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “gây rối trật tự công cộng”; tiền sự: không; bị giữ khẩn cấp ngày 17/8/2022, hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện H, có mặt.

2. Lê Như Q; tên gọi khác: không; sinh ngày 18/8/2004 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Khắc R và bà Đinh Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị giữ khẩn cấp ngày 17/8/2022, hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện H, có mặt.

3. Trần Anh T; tên gọi khác: không; sinh ngày 22/9/2003 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn 4, xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà La Thị V; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 18/8/2022, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Trần Văn L; tên gọi khác: không; sinh ngày 07/7/2006 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn 4, xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp:

lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn V và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị giữ khẩn cấp ngày 17/8/2022, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn L:* chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn 4, xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn L:* bà Nguyễn Thị H - Luật sư Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Bị hại:* Phàn Thanh M, sinh ngày 30/9/2005; nơi cư trú: bản L, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện của bị hại Phàn Thanh M:* ông Phàn Văn S, sinh năm 1979; nơi cư trú: xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Giàng Thị H, sinh ngày: 01/01/2004; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

+ Chị Hồ Thị L, sinh ngày: 21/11/2001; nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06 năm 2022, Nguyễn Quốc V, Lê Như Q cùng nhau thuê và quản lý nhân viên phục vụ quán Karaoke, đồng thời thuê nhà của ông Phạm Văn Đ tại thôn 4, xã P, huyện H để làm nơi ở cho nhân viên. Q trực tiếp ở cùng và đưa đón nhân viên đi làm. Cũng trong thời gian này, V liên hệ với chị Phàn Thanh M (sinh ngày 30/9/2005, trú tại bản L, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu) đặt vấn đề về làm nhân viên rót bia cho V, chị M đồng ý.

Đến ngày 14/8/2022, chị M có ý định không làm nữa thì V không đồng ý và bảo chị M phải trả số tiền 15.000.000 đồng là tiền ăn ở, sinh hoạt, tiền mua quần áo và tiền chị M đã ứng trước đó. Do chị M không có tiền trả nên V và Q thống nhất Q sẽ trông chừng không cho chị M bỏ đi. Trong thời gian này, V cũng nhắn tin yêu cầu chị M trả tiền, nếu tự ý bỏ trốn sẽ nhốt chị M lại. Đến khoảng 16 giờ ngày 16/8/2022, chị M kiên quyết không làm nữa nên Q kéo chị M nhốt vào phòng ngủ tầng hai của nhà trọ. Khi Trần Văn L, Trần Anh T đến nhà trọ chơi, Q nhờ L, T trông giữ chị M để Q đi ra ngoài có việc, L, T đồng ý nhưng không biết việc V, Q đòi chị M tiền. Sau đó, khi Q đi mua thức ăn thì L hộ Q trông giữ chị M còn T đi sang nhà trọ bên cạnh chơi. Khi Q về thấy chị M ngồi tại cửa sổ tầng hai, do sợ chị M nhảy xuống nên Q vác chị M xuống phòng ngủ tầng một, dùng tay tát vào mặt chị M (không gây thương tích), rồi chốt khóa cửa nhốt chị M bên trong. Sau đó Q và V tiếp tục đe dọa chị M phải đưa

15.000.000 đồng thì mới thả chị M. Do chị M không có tiền nên Q cho chị M gọi điện về gia đình để gửi tiền lên. Thấy gia đình chị M không gửi tiền, V, Q thống nhất tiếp tục giữ chị M đến khi người nhà chị M gửi tiền thì mới thả chị M. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T, L quay lại nhà trọ chơi thì hộ Q trông giữ chị M lúc Q đi ra ngoài. Sau khi chị M gọi cho gia đình thì được chuyển lên phòng ngủ tầng hai nhưng vẫn bị giữ trong phòng, khóa cửa không cho ra ngoài. T, L trông hộ Q một lúc thì về còn một mình Q tiếp tục trông giữ chị M. Đến khoảng 10 giờ ngày 17/8/2022 lực lượng công an đến kiểm tra phát hiện, chị M đến cơ quan công an trình báo.và

Quá trình điều tra, Nguyễn Quốc V, Lê Như Q, Trần Văn L, Trần Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên (*bút lục số 159, 176, 199, 218*).

Tại phiên tòa, Nguyễn Quốc V khai: khoảng tháng 6/2022, bị cáo cùng với Q góp tiền thuê nhà của ông Đ ở thôn 4, xã P và cung cấp nhân viên phục vụ rót bia cho các quán karaoke trên địa bàn. Bị cáo và Q tuyển được 4 người, trong đó có M làm nhân viên cho mình. Hàng ngày nếu có quán nào gọi nhân viên phục vụ rót bia, bấm bài cho khách thì bị cáo sẽ nhận khách rồi bảo Q chờ nhân viên đi làm. Đến ngày 14/8/2022, M có ý định chuyển quán khác làm, bị cáo không đồng ý và bảo M phải trả số tiền 15.000.000 đồng thì mới cho đi, nhưng M bảo không có tiền. Bị cáo và Q thống nhất giữ M lại nhà trọ, khi nào có tiền mới cho đi và vẫn cho M đi làm, nhưng Q phải trực tiếp giám sát, đưa đón, không cho M tự ý đi đâu. Khoảng 21 giờ ngày 16/8/2022 Q gọi điện cho bị cáo lấy số tài khoản của bị cáo để người nhà M gửi tiền vào, bị cáo bảo Q khóa cửa phòng và trông giữ M, không cho M bỏ trốn, khi nào người nhà gửi tiền vào tài khoản thì mới cho M về. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Lê Như Q có lời khai phù hợp với lời khai của Nguyễn Quốc V về tình tiết, diễn biến sự việc bị cáo cùng với V chung tiền thuê nhân viên về để phục vụ cho các quán karaoke có nhu cầu nhân viên hát và rót bia. Quá trình nuôi và quản lý nhân viên, các bị cáo thu mỗi giờ nhân viên phục vụ tại các quán là 200.000 đồng, bị cáo và V trả cho nhân viên 100.000 đồng, còn lại 100.000 đồng V và bị cáo chia nhau, tuy nhiên bị cáo và V mới cho M ứng 3.000.000 đồng chứ không thanh toán tiền cho M như thỏa thuận ăn chia ban đầu. Ngày 14/8/2022, M nói không muốn làm nữa, V và bị cáo không đồng ý và bảo M phải trả số tiền 15.000.000 đồng tiền ăn ở, sinh hoạt và mua sắm quần áo nhưng M không có tiền trả nên V và bị cáo thống nhất bị cáo sẽ giữ M lại nhà trọ, khi nào có tiền mới cho về. Trong thời gian trông giữ, L và T là bạn bị cáo đến chơi nên có lúc bị cáo nhờ trông hộ, nhưng không nói cho L và T biết việc bị cáo và V đòi của M số tiền 15.000.000 đồng. Tối ngày 16/8/2022, M đòi về và gấp quần áo, đòi nhảy từ tầng hai xuống bỏ trốn, bị cáo thấy thế liền ôm M xuống phòng ngủ tầng một và tát M một nhát vì M khóc, đồng thời giữ điện thoại của M và nhốt M trong phòng khóa trái cửa và bị cáo trông chừng bên ngoài. Khoảng 21 giờ, bị cáo mở cửa ra và bảo M gọi điện về nhà bảo người nhà

gửi 15.000.000 đồng vào tài khoản của V. Sau khi M gọi điện xong, bị cáo tiếp tục đưa M vào phòng ngủ và khóa cửa ngoài, bị cáo canh bên ngoài. Sáng ngày 17/8/2022, bị cáo bị lực lượng Công an mời đến trụ sở làm việc.

Các bị cáo Trần Văn L và Trần Anh T có lời khai phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của V và Q về việc các bị cáo là bạn bè, Q trong thời gian trông giữ M có lúc nhờ L và T trông giúp, L và T không biết việc V và Q đòi của M số tiền 15.000.000 đồng, cũng như không tham gia việc cùng V và Q đòi tiền của M.

Bị hại Phan Thanh M vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại Cơ quan điều tra xác nhận toàn bộ sự việc cháu M bị V và Q giữ lại tại nhà trọ tại thôn 4, xã P, huyện H không cho về, đồng thời V và Q yêu cầu M phải trả số tiền 15.000.000 đồng mới được về. Trong thời gian M bị giữ tại phòng trọ thì có L và T cùng tham gia trông giữ M nhưng L và T không đòi tiền của M. Quá trình điều tra, M không yêu cầu trợ giúp pháp lý, đồng thời gia đình các bị cáo V và T đã bồi thường cho cháu, cháu không có yêu cầu gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại Phan Thanh M là ông Phan Văn S vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông S cho biết gia đình ở xa, không thể đến tham gia phiên tòa được. Hiện tại, cháu M đã nhận được tiền bồi thường và về nhà, gia đình không có ý kiến gì khác về sự việc nói trên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như ý kiến của cháu M.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn L là chị Nguyễn Thị N (mẹ đẻ của L) có mặt tại phiên tòa có lời khai thừa nhận gia đình thiếu sự quan tâm, giáo dục dẫn đến L cùng bạn bè thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật. Chị N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho L.

Có mặt tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo Trần Văn L là luật sư Nguyễn Thị H – Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ninh có quan điểm đồng tình với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát cũng như lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa. Bà H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo L mới qua 16 tuổi, chưa ý thức được hết tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hơn nữa L tham gia phạm tội do nê nang bạn bè nhờ, với vai trò giúp sức không đáng kể.

Những người làm chứng Giàng Thị H và Hồ Thị L vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo và bị hại về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc các bị cáo có hành vi giữ người trái pháp luật đối với Phan Thanh M vào ngày 16/8/2022 tại nhà trọ thuộc thôn 1, xã P, huyện H.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, kết quả phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm, diễn biến vụ việc giữ người trái pháp luật.

Tại cáo trạng số 56/CT-VKSHH ngày 18/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Nguyễn Quốc V và Lê Như Q về tội “Giữ người trái pháp luật” quy định điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự, Trần Anh T và Trần Văn L về tội: “Giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm e khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Quốc V từ 24 đến 27 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng cộng hình phạt của hai tội là từ 36 đến 42 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là từ 54 đến 60 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2022, được trừ đi những ngày đã tạm giữ tại bản án số 42.

- Điểm e khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Như Q từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là từ 21 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2022.

- Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Anh T từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Văn L từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 chiếc khóa bằng kim loại là công cụ phạm tội, khóa đã cũ không còn giá trị sử dụng; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6 plus bị cáo Q sử dụng liên lạc phạm tội và trả lại cho Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia không liên quan đến hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản rõ ràng, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ 16 giờ ngày 16/8/2022 đến 10 giờ ngày 17/8/2022, tại nhà trọ thuộc thôn 4, xã P, huyện H, Nguyễn Quốc V, Lê Như Q, Trần Văn L, Trần Anh T có hành vi giữ chị Phan Thanh M (sinh ngày 30/9/2005) tại các phòng ngủ tầng một, tầng hai nhà trọ. Trong quá trình giữ chị M, Nguyễn Quốc V, Lê Như Q còn có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần của chị M nhằm chiếm đoạt số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc V và Lê Như Q đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự, hành vi của Trần Văn L và Trần Anh T đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số 56/CT-VKSHH ngày 18/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, lời luận tội có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do về thân thể và đi lại của người khác, hành vi của Nguyễn Quốc V và Lê Như Q còn xâm phạm đến tài sản của người khác, là các khách thể được luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, tuy nhiên không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện, riêng bị cáo V đang chấp hành thời gian thử thách của án treo mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật kém, cần xử lý nghiêm.

[4] Về vai trò trong vụ án: V và Q cùng thống nhất ý chí trong việc giữ M lại nhằm uy hiếp M để đòi tiền, V không trực tiếp tham gia nhưng thống nhất với Q trong cách thức giữ và cưỡng đoạt tiền của M thế nào. Q trực tiếp thực hiện việc trông giữ và yêu cầu M phải đưa tiền, do đó, V và Q có vai trò ngang nhau. L và T là bạn của Q, giúp Q trông giữ M trong lúc Q đi vắng, giữ vai trò là người giúp sức cho V và Q.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, hai bị cáo V và T đã tác động gia bồi thường cho bị hại, cháu M cũng như đại diện hợp pháp của cháu M không có yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả bốn bị cáo, bị cáo T sau khi phạm tội ra đầu thú. Do đó, bị cáo V và T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Q và L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo V đang trong thời gian thử thách của bản án số 42/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh lại phạm tội mới, do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt đối với bị cáo: cả bốn bị cáo đều phạm tội “Giữ người trái pháp luật”, bị cáo V và Q phạm thêm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, Hội đồng xét xử căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy cần thiết xử bị cáo V và Q mức hình phạt cao hơn so với T và L. Bị cáo T và L phạm tội với vai trò người giúp sức, phạm tội một phần do thiếu hiểu biết pháp luật, nể nang bạn bè nhờ, cả hai bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên xét thấy không cần thiết cách ly mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật. Ngoài ra, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét cho hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với Q và L phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[8] Về vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ:

- 02 chiếc khóa bằng kim loại các bị cáo sử dụng để khóa trái phòng nhốt M bên trong, khóa đã cũ, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6 plus của Lê Như Q sử dụng liên lạc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 sim gắn trong điện thoại iphone cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 thu của Lê Như Q (bên trong có 02 sim) là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan tới hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Q.

[9] Về trách nhiệm dân sự: các bên đã thỏa thuận xong về bồi thường thiệt hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[12] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Quốc V và Lê Như Q phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”, các bị cáo Trần Anh T và Trần Văn L phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng:

- Điểm e khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quốc V 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng cộng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 36 (ba mươi sáu) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 54 (năm mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2022, được trừ đi những ngày đã tạm giam tại bản án số 42 (từ ngày 19/5/2021 đến ngày 13/8/2021).

- Điểm e khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Như Q 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 09 (chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2022.

- Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Anh T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Anh T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Văn L 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn L cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án

có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 55/LC-CQCSĐT ngày 26/8/2022 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 56/QĐ-CQCSĐT ngày 26/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với Trần Anh T.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 54/LC-CQCSĐT ngày 26/8/2022 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 55/QĐ-CQCSĐT ngày 26/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đối với Trần Văn L.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) chiếc khóa bằng kim loại màu trắng vàng và 01 thẻ sim gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu iphone.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6 plus màu hồng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Như Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 thu của Lê Như Q (bên trong có gắn 02 thẻ sim).

(Vật chứng tình trạng theo biên bản giao vật chứng, tài sản số 03/CCTHADS ngày 20/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về chế độ thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 331, khoản 1, khoản 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện H;
- Cơ quan THAHS Công an huyện H;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thanh

